

Bản án số: 312/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-6-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 642/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2179/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 15/18/10 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phúc B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 178/18 đường D, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà A, ông B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phúc B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2011, quyền số 01/2011, do Ủy ban nhân dân phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2011. Thời gian chung sống, bà và ông B có một con chung là trẻ Nguyễn Phúc C, giới tính: Nam, sinh ngày 23/10/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã do ông B không quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn về vấn đề tài chính. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng không giải quyết được nên từ tháng 9 năm 2018 bà và trẻ C chuyển về Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với ông B, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Phúc C sinh ngày 23/10/2012. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Phúc B trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà A về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung. Ông xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không phù hợp. Vì công việc nên ông chưa dành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, do đó hai bên thường xuyên cãi vã. Ông và bà A đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay ông vẫn còn thương vợ và không muốn con sống thiếu cha hay mẹ vì trẻ C còn nhỏ nên ông muốn có thêm thời gian hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng quay về chung sống với nhau. Ông xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay, con chung đang sống với bà A ở Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa: Bà A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C, tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông, ông đồng ý giao con chung là trẻ Nguyễn Phúc C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng một tháng, hai bên giao nhận trực tiếp với nhau từ ngày 05 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà A, ông B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A ly hôn với ông B và giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông B cấp

đường nuôi con 2.000.000 đồng một tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và bị đơn ông Nguyễn Phúc B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2011, quyển số 01/2011, do Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2011. Như vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giữa bà A và ông B có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nay bà A có đơn xin ly hôn với ông B, bị đơn cư trú tại số đường D, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A:

Theo bà A trình bày cuộc sống hôn nhân của bà và ông B không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về nhiều mặt do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, ông B không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ giúp vợ trong vấn đề tài chính. Mâu thuẫn xảy ra dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân của hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà và ông B đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông B cũng thừa nhận cuộc sống chung của ông và bà A không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 28/02/2019 Tòa án nhân dân Quận 1 có Công văn số 480/TAQ1 xác minh tình trạng hôn nhân của bà A và ông B. Ngày 22/4/2019 Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 223/UBND trả lời như sau: "... Ông Nguyễn Phúc B và bà Nguyễn Thị A đang sống ly thân với nhau...".

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông B là có thật, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại

Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là trẻ Nguyễn Phúc C, sinh ngày 23/10/2012. Bà A tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung cho bên nào nuôi dưỡng phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của trẻ. Sau khi bà A và ông B không còn sống chung, trẻ C sống chung với bà A cho đến nay. Tại phiên tòa, ông B trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông, ông đồng ý giao con chung là trẻ C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Do đó, việc bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C 2.000.000 đồng một tháng, hai bên giao nhận trực tiếp với nhau từ ngày 5 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Bà A xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà A xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng. Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà A, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Phúc B.

Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 154/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 10 năm 2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Phúc C, giới tính: Nam, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phúc B cấp dưỡng nuôi trẻ C 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) một tháng. Hai bên giao nhận trực tiếp tiền cấp dưỡng nuôi con từ ngày 5 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi trẻ C tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Phúc B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng như trên thì hàng tháng ông B còn trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Phúc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở, nhưng ông B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị A.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà A xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0023900 ngày 17/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phúc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Phúc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Ủy ban nhân dân Phường F, Quận 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết